



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**MILINDAPAÑHAPĀḶI**

**&**

**MILINDA VẤN ĐẠO**

## 8. BRĀHMAṆARĀJAVĀDAPAÑHO

1. “Bhante nāgasena bhāsitaṃpetam tathāgatena: ‘**Ahamasmi bhikkhave brāhmaṇo yācayogo**’ti. Puna ca bhaṇitaṃ: ‘**Rājāhamasmi selā**’ti. Yadi bhante nāgasena bhagavatā bhaṇitaṃ: ‘Ahamasmi bhikkhave brāhmaṇo yācayogo’ti, tena hi ‘rājāhamasmi selā’ti yaṃ vacanaṃ, taṃ micchā. Yadi tathāgatena bhaṇitaṃ: ‘Rājāhamasmi selā’ti, tena hi ‘ahamasmi bhikkhave brāhmaṇo yācayogo’ti tampi vacanaṃ micchā. Khatthiyo vā hi bhavēyya brāhmaṇo vā, natthi ekāya jātiyā dvevaṇṇā nāma. Ayampi ubhatokoṭiko pañho tavānuppatto. So tayā nibbāhitabbo”ti.

2. “Bhāsitaṃpetam mahārāja bhagavatā: ‘Ahamasmi bhikkhave brāhmaṇo yācayogo’ti. Puna ca bhaṇitaṃ: ‘Rājāhamasmi selā’ti. Tattha kāraṇaṃ atthi yena kāraṇena tathāgato brahmaṇo ca rājā ca hoti”ti.

“Kiṃ pana taṃ bhante nāgasena kāraṇaṃ yena kāraṇena tathāgato brāhmaṇo ca rājā ca hoti”ti?

“Sabbe mahārāja pāpakā akusalā dhammā tathāgatassa bāhitā pahinā apagatā byapagatā ucchinnā khiṇā khayam patta nibbutā upasantā, tasmā tathāgato ‘brāhmaṇo’ti vuccati.

Brāhmaṇo nāma saṃsayamanekaṃsaṃ vimatipathaṃ vītivatto. Bhagavā ’pi mahārāja saṃsayamanekaṃsaṃ vimatipathaṃ vītivatto. Tena kāraṇena tathāgato ‘brahmaṇo’ti vuccati.

Brāhmaṇo nāma sabbabhavagatiyoninissaṭo malarajagatavippamutto asahāyo. Bhagavā ’pi mahārāja sabbabhavagatiyoninissaṭo malarajagatavippamutto asahāyo. Tena kāraṇena tathāgato ‘brahmaṇo’ti vuccati.

3. Brāhmaṇo nāma aggasetṭhavarapavaradibbavihārabahulo. Bhagavā ’pi mahārāja aggasetṭhavarapavaradibbavihārabahulo. Tenāpi kāraṇena tathāgato ‘brāhmaṇo’ti vuccati.

Brāhmaṇo nāma ajjhayana-ajjhāpana-dānapaṭiggahana-dama-saṃyamaniyama-pubbānusatthi<sup>1</sup>-paveṇi-vaṃsa-dhāraṇo.<sup>2</sup> Bhagavā ’pi mahārāja ajjhayana-ajjhāpana-dānapaṭiggahana-dama-saṃyamaniyama-pubba-jināciṇṇānusatthi<sup>1</sup>-paveṇivaṃsa-dhāraṇo.<sup>2</sup> Tenāpi kāraṇena tathāgato ‘brāhmaṇo’ti vuccati.

<sup>1</sup> °anusitṭhi - Ma; °ānusitṭhi - PTS.

<sup>2</sup> dharaṇo - Ma, PTS.

## 8. CÂU HỎI VỀ LỜI NÓI LÀ BÀ-LA-MÔN VÀ LÀ VUA:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **‘Này các tỳ khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin.’** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **‘Ta là đức vua Sela.’**”

Thưa ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: ‘Này các tỳ khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin,’ như thế thì lời nói rằng: ‘Ta là đức vua Sela’ là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘Ta là đức vua Sela,’ như thế thì lời nói rằng: ‘Này các tỳ khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin’ cũng là sai trái. Bởi vì chỉ có thể hoặc là Sát-đế-ly hoặc là Bà-la-môn, nghĩa là không thể có hai giai cấp cho một lần sanh ra. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho ngài. Nó nên được giải quyết bởi ngài.”

2. “Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘Này các tỳ khuru, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin.’ Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: ‘Ta là đức vua Sela.’ Ở đây có lý do, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vị Bà-la-môn vừa là vua.”

“Thưa ngài Nāgasena, vậy thì lý do ấy là gì, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vị Bà-la-môn vừa là vua?”

“Tâu đại vương, tất cả các ác bất thiện pháp của đức Như Lai đã được lánh xa, đã được dứt bỏ, đã được xa lìa, đã được dứt lìa, đã được chặt đứt, đã đi đến sự cạn kiệt, đã được diệt tắt, đã được an tịnh, vì thế đức Như Lai được gọi là ‘Bà-là-môn.’”

Bà-là-môn nghĩa là đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự. Tâu đại vương, đức thế Tôn cũng đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Bà-là-môn.’

Bà-là-môn nghĩa là đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi ô nhiễm và bụi bặm, không bạn đồng hành. Tâu đại vương, đức thế Tôn cũng đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi ô nhiễm và bụi bặm, không bạn đồng hành. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Bà-là-môn.’

3. Bà-là-môn nghĩa là có nhiều sự an trú cao cả, tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Tâu đại vương, đức thế Tôn cũng có nhiều sự an trú cao cả, tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Bà-là-môn.’

Bà-là-môn nghĩa là người duy trì dòng dõi về sự chỉ dạy và truyền thống trước đây về việc học thuộc lòng, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc, và kiểm chế. Tâu đại vương, đức thế Tôn cũng là người duy trì dòng dõi về sự chỉ dạy và truyền thống đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng trước đây về việc học thuộc lòng, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc, và kiểm chế. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Bà-là-môn.’

Brāhmaṇo nāma brahāsukhavihārajjhānājhāyī. Bhagavā 'pi mahārāja brahāsukhavihārajjhānājhāyī. Tenāpi kāraṇena tathāgato 'brahmaṇo 'ti vuccati.

'Brāhmaṇo nāma sabbabhavābhavagatisu abhijātivattitamanucaritaṃ jānāti. Bhagavā 'pi mahārāja sabbabhavagatisu abhijātivattitamanucaritaṃ jānāti. Tenāpi kāraṇena tathāgato 'brāhmaṇo 'ti vuccati.

Brāhmaṇo 'ti mahārāja bhagavato netaṃ nāmaṃ mātārā kataṃ, na pitarā kataṃ, na bhātarā kataṃ, na bhaginiyā kataṃ, na mittāmaccehi kataṃ, na ñātisālohitehi kataṃ, na samaṇabrāhmaṇehi kataṃ, na devatāhi kataṃ. Vimokkhantikametaṃ buddhānaṃ bhagavantānaṃ nāmaṃ bodhiyāyeva mūle mārasenaṃ vidhimitvā<sup>1</sup> atitānāgatapaccuppanne pāpake akusale dhamme bāhetvā saha sabbaññutañāṇassa paṭilābhā paṭiladdha-pātubhūta-samuppanna-matte sacchikā paññatti, yadidaṃ 'brāhmaṇo 'ti. Tena kāraṇena tathāgato vuccati 'brāhmaṇo 'ti.

4. "Kena pana bhante nāgasena kāraṇena tathāgato vuccati 'rājā 'ti.

"Rājā nāma mahārāja yo koci rajjaṃ kāreti lokamanusāsati. Bhagavā 'pi mahārāja dasasahassiyaṃ<sup>2</sup> lokadhātuyā dhammena rajjaṃ kāreti, sadevakaṃ lokaṃ samārakaṃ sabrahmakaṃ sassamaṇabrāhmaṇiṃ pajjaṃ anusāsati. Tenāpi kāraṇena tathāgato vuccati 'rājā 'ti.

Rājā nāma mahārāja sabbajanamanusse abhibhavitvā nandayanto ñāti-saṅghaṃ socayanto amittasaṅghaṃ, mahatimahāyasaṅgiharaṃ thirasāra-daṇḍaṃ anūnasatasalākāṅkataṃ ussāpeti paṇḍara-vimala-setacchattaṃ. Bhagavā 'pi mahārāja socayanto mārasenaṃ micchāpaṭipannaṃ, nandayanto devamanusse sammāpaṭipanne dasasahassiyaṃ<sup>4</sup> lokadhātuyā mahatimahāyasaṅgiharaṃ khanti-thira-sāradaṇḍaṃ ñāṇavarasati-salākāṅkataṃ ussāpeti aggavaravimuttipaṇḍaravimalasetacchattaṃ. Tenāpi kāraṇena tathāgato vuccati 'rājā 'ti.

Rājā nāma upagatasampattajanānaṃ bahunnamabhivandanīyo bhavati. Bhagavā 'pi mahārāja upagatasampattadevamanussānaṃ bahunnam-abhivandanīyo. Tenāpi kāraṇena tathāgato vuccati 'rājā 'ti.

<sup>1</sup> vidhamitvā - Ma, PTS.

<sup>2</sup> dasasahassiyā - Ma; dasasahassimhi - PTS, Sīmu.

Bà-là-môn nghĩa là vị có sự tham thiên về thiên có sự trú vào lạc bao la. Tâu đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị có sự tham thiên về thiên có sự trú vào lạc bao la. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Bà-là-môn.’

Bà-là-môn nghĩa là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sinh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Tâu đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sinh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Bà-là-môn.’

Tâu đại vương, tên gọi ‘Bà-là-môn’ này của đức Thế Tôn không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh trai tạo ra, không do chị gái tạo ra, không do các bạn bè thân hữu tạo ra, không do các thân quyến cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn và Bà-la-môn tạo ra, không do chư Thiên tạo ra. Tên gọi này của chư Phật Thế Tôn liên quan đến mốc cuối cùng của sự giải thoát, cùng với sự đạt được trí Toàn Tri sau khi tiêu diệt đạo binh của Ma Vương ở ngay dưới cội cây Bồ Đề, sau khi lánh xa các ác bất thiện pháp thuộc quá khứ, hiện tại, và vị lai, là sự xác định thực tế về việc đã đạt được, đã được hiển lộ, đã được sanh khởi, tức là ‘Bà-là-môn.’ Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Bà-là-môn.’”

4. “Thưa ngài Nāgasena, vậy thì với lý do gì đức Như Lai được gọi là ‘Vua?’”

“Tâu đại vương, vua nghĩa là người nào cai trị vương quốc, chỉ dạy thế gian. Tâu đại vương, đức Thế Tôn cũng cai trị vương quốc bằng Giáo Pháp ở mười ngàn thế giới, chỉ dạy thế gian tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên, cho đến loài người luôn cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Vua.’

Tâu đại vương, vua nghĩa là sau khi chế ngự toàn bộ dân chúng loài người, trong khi làm hoan hỷ tập thể thân quyến, trong khi gây sâu muộn cho tập thể kẻ thù, rồi cho giương lên chiếc lọng che màu trắng tinh khiết là vật đem lại danh vọng và vinh quang lớn lao vĩ đại, có thanh cầm bằng lõi cây cứng chắc, được trang hoàng với một trăm thanh nan không thiếu sót. Tâu đại vương, đức Thế Tôn trong khi gây sâu muộn cho đội binh của Ma Vương có sự thực hành sai trái, trong khi làm hoan hỷ chư thiên và nhân loại có sự thực hành đúng đắn, cũng cho giương lên ở mười ngàn thế giới chiếc lọng che màu trắng tinh khiết của sự giải thoát cao cả quý báu, là vật đem lại danh vọng và vinh quang lớn lao vĩ đại, có thanh cầm bằng lõi cây cứng chắc là sự nhẫn nại, được trang hoàng với các thanh nan là trí tuệ và niệem cao quý. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Vua.’

Tâu đại vương, vua nghĩa là vị đáng được đánh lễ bởi số đông dân chúng đã đi đến và gặp gỡ. Tâu đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị đáng được đánh lễ bởi số đông chư Thiên và nhân loại đã đi đến và gặp gỡ. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Vua.’

Rājā nāma yassa kassaci ārādhakassa pasīditvā varitaṃ varaṃ datvā kāmēna tappayati. Bhagavāpi mahārāja yassa kassaci kāyēna vācāya manasā ārādhakassa pasīditvā varitaṃ varamanuttaraṃ sabbadukkharimuttitaṃ datvā asesakāmaarena ca tappayati. Tenāpi kāraṇena tathāgato vuccati ‘rājā’ ti.

Rājā nāma āṇaṃ vītikkamantaṃ vīgarahati jāpeti<sup>1</sup> dhamseti. Bhagavato ‘pi mahārāja sāsanaare āṇaṃ atikkamanto alajjī maṅkubhāvena oṇāto hīlito garahito bhavitvā vajjati jīnasāsanaaramhā. Tenāpi kāraṇena tathāgato vuccati ‘rājā’ ti.

Rājā nāma pubbakānaṃ dhammikānaṃ rājūnaṃ pavenīmanusatthiyā dhammādhammamanudīpayitvā dhammena rajjaṃ kārayamāno pihayito piyo patthito bhavati janamanussānaṃ, ciraṃ rājakulavaṃsaṃ tṭhāpayati dhammaguṇabalena. Bhagavā ‘pi mahārāja pubbakānaṃ sayambhūnaṃ pavenīmanusatthiyā dhammādhammamanudīpayitvā dhammena lokamanusāsamaṇo pihayito piyo patthito devamanussānaṃ ciraṃ sāsanaṃ pavatteti dhammaguṇabalena. Tenāpi kāraṇena tathāgato vuccati ‘rājā’ ti.

Evamanekavidhaṃ mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena tathāgato brāhmaṇo ‘pi bhavēyya rājā’ pi bhavēyya. Sunipuṇo bhikkhu kappampi no naṃ sampādeyya, kiṃ atibahuṃ bhaṇitena, saṅkhittaṃ sampaṭicchitabban” ti.

“Sādhu bhante nāgasena! Evametaṃ tathā sampaṭicchāmī” ti.

### **Brāhmaṇarājāvādapañho aṭṭhamo.**

\*\*\*\*\*

---

<sup>1</sup> jhāpeti - Ma.

Tâu đại vương, vua nghĩa là đối với người nào có sự ra sức thì tin tưởng, ban cho ân huệ đã chọn lựa, và làm thỏa mãn theo như ước muốn. Tâu đại vương, đức Thế Tôn đối với người nào có sự ra sức về thân, về khẩu, về ý, thì cũng tin tưởng, ban cho ân huệ vô thượng đã chọn lựa là sự giải thoát hoàn toàn mọi sự khổ đau, và làm thỏa mãn trọn vẹn ân huệ theo như ước muốn. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Vua.’

Tâu đại vương, vua nghĩa là đối với kẻ chống lại mệnh lệnh thì quở trách, loại trừ, tiêu diệt. Tâu đại vương, trong Giáo Pháp cao quý của đức Thế Tôn, kẻ vô liêm sỉ vượt qua sự quy định cũng bị chê bai, khinh miệt, khiển trách vì tình trạng yếu hèn và bị loại ra khỏi Giáo Pháp cao quý của đấng Chiến Thắng. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Vua.’

Tâu đại vương, vua nghĩa là sau khi giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thống và sự chỉ dạy của các vị vua chính trực trước đây, trong khi cai quản vương quốc một cách chính trực thì trở thành vị được ao ước, được yêu mến, được mong mỏi của dân chúng và loài người, rồi duy trì dòng dõi hoàng tộc lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của sự chính trực. Tâu đại vương, đức Thế Tôn sau khi cũng giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thống và sự chỉ dạy của các đấng Tự Chủ trước đây, trong khi chỉ dạy thế gian đúng theo Pháp thì sẽ trở thành vị được ao ước, được yêu mến, được mong mỏi của chư Thiên và nhân loại, rồi chuyển vận Giáo Pháp lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của Pháp bảo. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là ‘Vua.’

Tâu đại vương, như vậy lý do có nhiều loại, mà với lý do ấy đức Như Lai có thể vừa là Bà-la-môn có thể vừa là vua. Vị tỳ khưu vô cùng khôn khéo cũng không có thể thành tựu được việc ấy cho đâu là một kiếp. Có ích gì với việc nói quá nhiều, điều khái quát nên được chấp nhận.

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.”

**Câu hỏi về lời nói là Bà-la-môn và là vua là thứ tám.**

\*\*\*\*\*